

Bản án số: 11/2019/HN-ST

Ngày: 19-3-2019

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Thành – Hiệu trưởng Trường THCS An Định
2. Ông Lê Văn Nhân – Cán bộ hưu trí

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Phạm Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H do mai mối nhưng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh Đông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2005. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên chị xin ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/11/2005, Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 07/10/2014. Trong đơn xin ly hôn, chị

xin nuôi cháu Vinh, để cháu Huy cho anh H trực tiếp nuôi. Tuy nhiên, khi hỏi ý kiến con thì cháu Vinh xin sống với anh H và anh H cũng đồng ý nuôi 02 con nên chị để anh H trực tiếp nuôi con. Đối với cháu Vinh, anh H yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị đồng ý cấp dưỡng. Đối với cháu Huy, anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng nên chị không cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày trong Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019:

1. Về hôn nhân: Anh và chị L cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh Đông. Sau khi cưới nhau sống ở ấp Hòa Phú 2, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Gần đây khoảng hơn 03 tháng, anh phát hiện chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng chị L không đồng ý hàn gắn. Hiện nay chị L đã bỏ gia đình, không về thăm con. Do tình cảm không còn, chị L kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 07/10/2014, hiện đang sống chung với anh. Theo yêu cầu của chị L, anh đồng ý trực tiếp nuôi cháu Huy, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Vinh, theo nguyện vọng của con, nếu con muốn theo anh thì anh trực tiếp nuôi và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Vinh mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thanh H; con chung: Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 07/10/2014, để anh H trực tiếp nuôi 02 con. Anh H yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Vinh mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị L cũng đồng ý nên đề nghị Tòa ghi nhận. Đối với cháu Huy, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: cả hai trình bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Phạm Thị L là nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Thanh H vắng mặt có đơn xin vắng do bận công việc nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L, thấy rằng:

Chị L cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên chị xin ly hôn.

Anh H cho rằng chị L có mối quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, bà Dương Thị X là mẹ ruột của chị L cho rằng: Cách đây khoảng 02 tháng, bà biết được thông tin chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác, đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị L không nghe và có gây rối tại gia đình, có mời công an áp làm việc, sau đó chị L bỏ đi khỏi nhà.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H và chị L đăng ký thường trú, cho biết thông tin: Anh H có chung hộ khẩu thường trú với cha ruột ở ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam nhưng anh H sống bên gia đình vợ tại xã Đ. Do đó địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng pH có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh H thực tế đã diễn ra tuy lúc đầu là không lớn nhưng hiện nay đã đến mức trầm trọng, chị L không muốn sống chung với anh H và đã bỏ đi một thời gian dài. Xét việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cũng đồng ý ly hôn. Nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 07/10/2014. Trong quá trình làm đơn xin ly hôn, chị L xin nuôi cháu Vinh, để anh H nuôi cháu Huy, không ai pH cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị L thay đổi yêu cầu, đồng ý để anh H trực tiếp nuôi cả 02 con theo nguyện vọng của cháu Vinh và ý kiến của anh H. Xét thấy, từ nhỏ 02 con đã sống chung với cha mẹ, khi chị L đi khỏi nhà thì 02 con sống chung với anh H. Do đó nên để anh H trực tiếp nuôi 02 con là phù hợp. Đồng thời chị L cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Vinh mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của anh H nên Tòa án ghi nhận, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3/2019, cấp từng tháng cho đến khi cháu Vinh đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huy, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ. Điều này phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L, anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh H trình bày không có, nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L.

Cụ thể tuyên:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/11/2005 và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 07/10/2014, để anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi 02 con. Chị Phạm Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Thanh V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp từng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu chị Phạm Thị L cấp dưỡng nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L, anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh H trình bày không có, nên không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Phạm Thị L pH chịu. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00121875 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. PH nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng